

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Bài 3, 4, 5

Giấy, bút.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc dữ kiện, tự làm và ghi cách kiểm; có thể chia bốn nhiệm vụ thành các lần học khác nhau.

Khi dùng vật thật, ghi kết quả đã quan sát và phần được người lớn hỗ trợ; không chép số trong ví dụ làm kết quả của mình.

LƯU Ý CHUNG

Chấp nhận cách làm khác nếu đúng dữ kiện và quan hệ toán học. Để trẻ tự kiểm trước khi gợi ý.

Bài 1 · tr. 01 **Tìm một phần bằng nhau của một số**

Mục tiêu Tìm $1/b$ của một số bằng chia thành b phần bằng nhau.

Ví dụ $\frac{1}{3}$ của 18 là $18:3=6$. Mỗi nhóm phải có cùng số vật.

24 nút hoặc thẻ, giấy, bút.

Câu 1 · tr. 01 6; mỗi nhóm 6 thẻ.

Câu 2 · tr. 01 $35:5=7$.

Câu 3 · tr. 01 $42:6=7$ cm.

Câu 4 · tr. 01 $20:4=5$; phải chia 20 thành 4 phần bằng nhau, không bớt 4.

Bài 2 · tr. 02 **Tìm nhiều phần bằng nhau của một số**

Mục tiêu Tìm a/b của một số bằng chia b rồi nhân a hoặc nhân phân số.

Ví dụ $\frac{2}{3}$ của 24 là $24:3 \times 2=16$, cũng là $24 \times \frac{2}{3}$.

30 thẻ, giấy, bút.

Câu 1 · tr. 02 $30:5 \times 3=18$.

Câu 2 · tr. 02 $42:6 \times 5=35$.

Câu 3 · tr. 02 $36 \times \frac{2}{3}=24$ quyển.

Câu 4 · tr. 02 $28:4=7$ là $\frac{1}{4}$; cần $7 \times 3=21$ để được $\frac{3}{4}$.

Bài 3 · tr. 02 **Giải chuyện phân số có hai bước tính**

Mục tiêu Lập và giải bài toán phân số có hai bước tính.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 3 · tiếp tục

Ví dụ Một hộp có 40 bút, $\frac{3}{5}$ số bút đã phát. Phát $40 \times \frac{3}{5} = 24$ bút; còn $40 - 24 = 16$ bút.

Câu 1 · tr. 03 $48 \times \frac{3}{4} = 36$ cây cam; $48 - 36 = 12$ cây chanh.

Câu 2 · tr. 03 Rót $\frac{3}{4} \times \frac{1}{2} = \frac{3}{8}$ l; còn $\frac{3}{4} - \frac{3}{8} = \frac{3}{8}$ l.

Mỗi thẻ chỉ có một màu xanh, đỏ hoặc màu khác; đọc rõ điều kiện này trước khi trả làm.

Câu 3 · phiếu học sinh, trang 03

$\frac{2}{5} + \frac{1}{10} = \frac{4}{10} + \frac{1}{10} = \frac{1}{2}$; $60 \times \frac{1}{2} = 30$ thẻ. Hai nhóm không trùng nhau vì mỗi thẻ chỉ có một màu.

Câu 4 · tr. 03 48 là số cây, $\frac{3}{4}$ là phần của cả nhóm; cần tìm số cây cam 36 rồi lấy $48 - 36$. Không trừ số cây với một phân số chưa quy về lượng cây.

Bài 4 · tr. 03 **Giải chuyện phân số có ba bước tính**

Mục tiêu Giải bài toán phân số có ba bước và kiểm các lượng còn lại.

Câu 1 · tr. 04 $72 \times \frac{1}{3} = 24$; $72 - 24 = 48$; $48 \times \frac{1}{4} = 12$ tờ.

Câu 2 · tr. 04 $\frac{5}{6} \times \frac{1}{5} = \frac{1}{6}$ l; $\frac{5}{6} - \frac{1}{6} = \frac{2}{3}$ l; $\frac{2}{3} \times \frac{1}{2} = \frac{1}{3}$ l.

Câu 3 · tr. 04 $80 \times \frac{3}{8} = 30$ kg; $80 - 30 = 50$ kg; $50 \times \frac{2}{5} = 20$ kg.

Câu 4 · tr. 04 $\frac{1}{4}$ là của số còn lại sau khi vẽ, tức 48 tờ; phép tính cuối $48 \times \frac{1}{4} = 12$, không phải $72 \times \frac{1}{4}$.

Bài 5 · tr. 05 **Chọn và kiểm bốn phép tính với phân số**

Mục tiêu Chọn phép cộng, trừ, nhân hoặc chia phân số theo quan hệ trong chuyện.

Câu 1 · tr. 05 $\frac{2}{3} + \frac{1}{6} = \frac{5}{6}$ m.

Câu 2 · tr. 05 $\frac{7}{8} - \frac{1}{4} = \frac{5}{8}$ m.

Câu 3 · tr. 05 $\frac{3}{4} : \frac{1}{8} = 6$ cốc.

Câu 4 · tr. 05 Ví dụ $\frac{2}{3}$ của 27 thẻ là $27 \times \frac{2}{3} = 18$; kiểm $27 : 3 = 9$, $9 \times 2 = 18$. Chấp nhận chuyện khác rõ lượng/đơn vị và phép tính đúng.